

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: May đồng phục nhân viên tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Răng Hàm Mặt Thành phố Hồ Chí Minh.
- Mục tiêu của dự án: Tìm nhà thầu đủ năng lực cung cấp hàng hóa thực hiện gói thầu.
- Nguồn vốn: Nguồn chi thường xuyên.
- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Răng Hàm Mặt Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian thực hiện của gói thầu: 365 ngày
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Giá gói thầu: **2.533.582.000 đồng** (Đã bao gồm các loại thuế, phí có liên quan và chi phí vận chuyển, giao hàng đến Bệnh viện).

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu, chất liệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của E-HSMT.

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật hàng hóa trong E-HSMT nêu ra là yêu cầu tối thiểu, nhà thầu có thể chào hàng hóa có chỉ tiêu kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn và chứng minh bằng tài liệu cụ thể (catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật của chính hãng) chứng minh là tương đương với hành hóa đã nêu trong E-HSMT.

- Nhà thầu phải lập bảng so sánh đặc tính thông số kỹ thuật của hàng hóa giữa E-HSMT và E-HSDT.

- Nhà thầu phải chào giá bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định chính sách miễn, giảm thuế tại Nghị định số 99/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ.

a) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

- Hàng hóa được đóng gói bao bì cẩn thận tránh sự tác động của môi trường

bên ngoài làm ảnh hưởng đến chất lượng của hàng hóa.

- Hàng hóa hợp pháp, mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở về sau, có ký mã hiệu, hãng sản xuất, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đúng chủng loại và các yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.

- Hàng hóa đảm bảo đúng quy cách khi giao hàng, không đứt nút, sút chỉ, không rách. Các đường may thẳng, đều, không lỏng chỉ, bỏ mũi, tụt hoặc sỏ chỉ.

- Chất liệu vải may phải ổn định về mặt kết cấu và màu sắc.

- Hàng hóa vận chuyển đến địa điểm cung cấp không đảm bảo chất lượng, quy cách, kích thước, chất liệu sản phẩm sẽ không được nghiệm thu và nhà thầu phải có trách nhiệm vận chuyển tất cả các hàng hóa đó ra khỏi địa điểm cung cấp và mọi chi phí phát sinh đó nhà thầu chịu và nhà thầu phải chịu trách nhiệm khắc phục trong thời gian sớm nhất không làm ảnh hưởng đến công việc chung.

- Có bảng so sánh thông số kỹ thuật hàng hóa chào thầu với thông số kỹ thuật hàng hóa quy định tại E-HSMT.

- Đối với hàng hóa nhập khẩu phải có cam kết cung cấp bản gốc (hoặc được chứng thực bởi cơ quan chức năng), giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) và chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) tờ khai hải quan, invoice, packinglist, vận đơn khi giao nhận hàng hóa.

- Đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam: Giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng; Sổ đăng ký lưu hành (nếu có).

- Các loại tài liệu chứng minh phải còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu, nộp bản scan để chứng minh và cung cấp bản gốc khi đối chiếu tài liệu (bản gốc sẽ trả lại sau khi đối chiếu tài liệu).

- Có Catalogue thông số kỹ thuật vải may và hình ảnh minh họa toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi gói thầu.

- Có tài liệu kỹ thuật và tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt.

- Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

STT	Tên hàng hóa	Quy Cách – Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Đồng Phục Bệnh Nhân	1. Chất liệu: Vải Kate 2. Màu sắc: Trắng sọc 3. Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải (g/m ²): 109 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 455 ±2, ngang 300 ±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.5)-(-0.7) ; ngang (-0.3)-(-0.5)	Bộ	1,700

		<p>+ Độ bền xé rách (N): dọc 24 ± 2, ngang 16 ± 2</p> <p>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5</p> <p>+ Chất liệu vải: $65\% \pm 2$ Polyester, $35\% \pm 2$ Cotton</p> <p>+ Độ bền màu với chất tẩy Naclo (Cấp): 4-5.</p>		
2	Đồng Phục Phòng mổ (Nhân Viên)- (Màu Xanh Dương)	<p>1. Chất liệu: Vải Kaki cotton</p> <p>2. Màu sắc: xanh dương</p> <p>3. Tiêu chuẩn vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (g/m²): 257 ± 2</p> <p>+ Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 400 ± 2, ngang 307 ± 2</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.6)-(-0.9); ngang (-0.1)-(-0.3)</p> <p>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5</p> <p>+ Chất liệu vải: $65\% \pm 2$ Polyester, $32\% \pm 2$ Rayon, $3\% \pm 1$ spandex.</p> <p>+ Độ bền màu với chất tẩy Naclo (Cấp): 4-5.</p>	Bộ	600
3	Đồng Phục Phòng mổ (Học viên)- (Màu Xanh lơ)	<p>1. Chất liệu: Vải Kaki cotton</p> <p>2. Màu sắc: xanh lơ</p> <p>3. Tiêu chuẩn vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (g/m²): 285 ± 2</p> <p>+ Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 740 ± 2, ngang 387 ± 2</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.3)-(-0.5); ngang (-0.3)-(-0.5)</p> <p>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5</p> <p>+ Chất liệu vải: $70\% \pm 2$ Polyester, $27\% \pm 2$ Rayon; $3\% \pm 1$ Spandex.</p> <p>+ Độ bền màu với chất tẩy Naclo (Cấp): 4-5.</p>	Bộ	300
4	Drap giường 1.5m*2.2m (Màu trắng)	<p>1. Chất liệu: Vải Kaki</p> <p>2. Màu sắc: Trắng</p> <p>3. Tiêu chuẩn vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (g/m²): 207 ± 2</p> <p>+ Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 430 ± 2, ngang 205 ± 2</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.5)-(-0.7); ngang (-0.1)-(-0.3)</p> <p>+ Độ bền xé rách (N): dọc 78 ± 2, ngang 44 ± 2</p> <p>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5</p> <p>+ Chất liệu vải: $87\% \pm 2$ Polyester, $13\% \pm 2$ Cotton</p> <p>+ Độ bền màu với chất tẩy Naclo (Cấp): 4-5.</p>	Chiếc	3200

5	Drap giường 1.5m*2.2m Màu xanh lá (xanh két)	<p>1. Chất liệu: Vải Kaki 2. Màu sắc: xanh két 3. Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải (g/m²): 240 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 456 ±2, ngang 252 ±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.1)-(-0.3) ; ngang (-0.1)-(-0.3) + Độ bền xé rách (N): dọc 47±2, ngang 34 ±2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Chất liệu vải: 87% ±2 Polyester, 13% ±2 Cotton + Độ bền màu với chất tẩy NaClO (Cấp): 4-5.</p>	Chiếc	150
6	Khăn lau tay dùng cho phẫu thuật	<p>1. Chất liệu: Vải Phin 2. Màu sắc: Trắng 3. Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải (g/m²): 136 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 270 ±2, ngang 244 ±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-3)-(-4) ; ngang (-1)-(-2) + Độ bền xé rách (N): dọc 25±2, ngang 16 ±2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Chất liệu vải: 100% Cotton + Độ bền màu với chất tẩy NaClO (Cấp): 4-5.</p>	Chiếc	800
7	Khăn lau tay thường.	<p>1. Chất liệu: Vải Phin 2. Màu sắc: Trắng 3. Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải (g/m²): 136 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 270 ±2, ngang 244 ±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-3)-(-4) ; ngang (-1)-(-2) + Độ bền xé rách (N): dọc 25±2, ngang 16 ±2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Chất liệu vải: 100% Cotton + Độ bền màu với chất tẩy NaClO (Cấp): 4-5</p>	Chiếc	6600
8	Áo phẫu thuật màu xanh lá (Màu két)	<p>1. Chất liệu: Vải Kaki 2. Màu sắc: xanh két 3. Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải (g/m²): 240 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 456 ±2, ngang 252 ±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.1)-(-0.3) ; ngang (-0.1)-(-0.3) + Độ bền xé rách (N): dọc 47±2, ngang 34 ±2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5</p>	Chiếc	800

		+ Chất liệu vải: 87% ±2 Polyester, 13% ±2 Cotton +Độ bền màu với chất tẩy Naclo (Cáp): 4-5.		
9	Tấm dày 2 lớp 1.5m*1.8m (Màu trắng)	1. Chất liệu: Vải Kaki 2. Màu sắc: Trắng 3. Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải (g/m ²): 207 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 430 ±2, ngang 205 ±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.5)-(-0.7) ; ngang (-0.1)-(-0.3) + Độ bền xé rách (N): dọc 78±2, ngang 44 ±2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Chất liệu vải: 87% ±2 Polyester, 13% ±2 Cotton +Độ bền màu với chất tẩy Naclo (Cáp): 4-5.	Chiếc	450
10	Khăn có lỗ phẫu thuật 2 lớp 1.5m*1.5m màu xanh lá (màu kết)	1. Chất liệu: Vải Kaki 2. Màu sắc: xanh kết 3. Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải (g/m ²): 240 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 456 ±2, ngang 252 ±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.1)-(-0.3) ; ngang (-0.1)-(-0.3) + Độ bền xé rách (N): dọc 47±2, ngang 34 ±2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Chất liệu vải: 87% ±2 Polyester, 13% ±2 Cotton +Độ bền màu với chất tẩy Naclo (Cáp): 4-5.	Chiếc	450
11	Khăn có lỗ phẫu thuật 1 lớp 1m*1m Màu xanh lá (Màu Kết)	1. Chất liệu: Vải Kaki 2. Màu sắc: xanh kết 3. Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải (g/m ²): 240 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 456 ±2, ngang 252 ±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.1)-(-0.3) ; ngang (-0.1)-(-0.3) + Độ bền xé rách (N): dọc 47±2, ngang 34 ±2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Chất liệu vải: 87% ±2 Polyester, 13% ±2 Cotton +Độ bền màu với chất tẩy Naclo (Cáp): 4-5.	Chiếc	100
12	Khăn có lỗ phẫu thuật 1 lớp 0.5m*0.5m màu trắng	1. Chất liệu: Vải Kaki 2. Màu sắc: Trắng 3. Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải (g/m ²): 207 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 430 ±2, ngang 205 ±2	Chiếc	800

		<p>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.5)-(-0.7) ; ngang (-0.1)-(-0.3)</p> <p>+ Độ bền xé rách (N): dọc 78±2, ngang 44 ±2</p> <p>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5</p> <p>+ Chất liệu vải: 87% ±2 Polyester, 13% ±2 Cotton</p> <p>+Độ bền màu với chất tẩy NaClO (Cấp): 4-5.</p>		
13	Khăn không lỗ phẫu thuật 1 lớp 0.5m*0.5m màu trắng	<p>1. Chất liệu: Vải Kaki</p> <p>2. Màu sắc: Trắng</p> <p>3. Tiêu chuẩn vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (g/m²): 207 ±2</p> <p>+ Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 430 ±2, ngang 205 ±2</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.5)-(-0.7) ; ngang (-0.1)-(-0.3)</p> <p>+ Độ bền xé rách (N): dọc 78±2, ngang 44 ±2</p> <p>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5</p> <p>+ Chất liệu vải: 87% ±2 Polyester, 13% ±2 Cotton</p> <p>+Độ bền màu với chất tẩy NaClO (Cấp): 4-5.</p>	Chiếc	250
14	Bao mayo 2 lớp 1.45m*0.54 m màu trắng	<p>1. Chất liệu: Vải Kaki</p> <p>2. Màu sắc: Trắng</p> <p>3. Tiêu chuẩn vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (g/m²): 207 ±2</p> <p>+ Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 430 ±2, ngang 205 ±2</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.5)-(-0.7) ; ngang (-0.1)-(-0.3)</p> <p>+ Độ bền xé rách (N): dọc 78±2, ngang 44 ±2</p> <p>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5</p> <p>+ Chất liệu vải: 87% ±2 Polyester, 13% ±2 Cotton</p> <p>+Độ bền màu với chất tẩy NaClO (Cấp): 4-5.</p>	Chiếc	300
15	Khăn trải ghế mầm nha 0.6m*1m màu xanh lá (xanh két)	<p>1. Chất liệu: Vải Kaki</p> <p>2. Màu sắc: xanh két</p> <p>3. Tiêu chuẩn vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (g/m²): 240 ±2</p> <p>+ Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 456 ±2, ngang 252 ±2</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.1)-(-0.3) ; ngang (-0.1)-(-0.3)</p> <p>+ Độ bền xé rách (N): dọc 47±2, ngang 34 ±2</p> <p>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5</p> <p>+ Chất liệu vải: 87% ±2 Polyester, 13% ±2 Cotton</p> <p>+Độ bền màu với chất tẩy NaClO (Cấp): 4-5.</p>	Chiếc	30
16	Áo choàng chụp XQ	<p>1. Chất liệu: Vải Kaki</p> <p>2. Màu sắc: xanh két</p>	Chiếc	100

	Phôi màu xanh lá (Xanh két)	3. Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải (g/m ²): 240 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 456 ±2, ngang 252 ±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.1)-(-0.3) ; ngang (-0.1)-(-0.3) + Độ bền xé rách (N): dọc 47±2, ngang 34 ±2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Chất liệu vải: 87% ±2 Polyester, 13% ±2 Cotton +Độ bền màu với chất tẩy Naclo (Cấp): 4-5.		
17	Khăn trải bàn 1.8m*1m (màu trắng)	1. Chất liệu: Vải Kaki 2. Màu sắc: Trắng 3. Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải (g/m ²): 207 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 430 ±2, ngang 205 ±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.5)-(-0.7) ; ngang (-0.1)-(-0.3) + Độ bền xé rách (N): dọc 78±2, ngang 44 ±2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Chất liệu vải: 87% ±2 Polyester, 13% ±2 Cotton +Độ bền màu với chất tẩy Naclo (Cấp): 4-5.	Chiếc	100

1.3. Các yêu cầu khác

Nhà thầu phải cam kết:

- Hàng hóa cung cấp mới 100%, đóng gói theo tiêu chuẩn quy định của hàng hóa.
- Cam kết thu hồi hàng hóa bị lỗi do nhà sản xuất hoặc bị lỗi do quá trình vận chuyển hoặc trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng.
- Cam kết có đủ điều kiện kinh doanh hàng hóa như yêu cầu của E-HSMT.
- Sẵn sàng thay thế hàng hóa và thực hiện thay thế lô sản phẩm khi không đảm bảo sử dụng do lỗi kỹ thuật.
- Hàng được giao đến đúng địa điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư.
- Giá trị Hàng hóa đã bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi sử dụng.
- Giá trị Hàng hóa đã bao gồm chi phí đo may và vải may, bảo hành.
- Catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật của chính hãng của hàng hóa (nếu không phải bằng tiếng Việt thì phải kèm bản dịch sang tiếng Việt) nêu đầy đủ thông số kỹ thuật hàng hóa.
- Đối với chất lượng vải may dùng để sản xuất quần áo, drap giường, khăn các loại ...: nhà thầu phải mang theo bản gốc Kết quả thử nghiệm mẫu vải và 1m vải mẫu cho mỗi loại vải mà nhà thầu đề xuất sử dụng để thực hiện

may sản phẩm cho /chủ đầu tư trong thời điểm hoàn thiện ký kết và thực hiện hợp đồng.

- Nhà thầu có đề xuất nội dung và phương thức bảo hành rõ ràng, hợp lý: Nêu rõ nội dung, phương thức bảo hành, trách nhiệm, khắc phục sự cố, ... Đảm bảo có mặt trong vòng 02 ngày kể từ lúc chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng yêu cầu để thực hiện nghĩa vụ.

+ Thời gian bảo hành: 12 tháng.

+ Giá trị bảo hành: 3% giá trị hợp đồng (phương thức bảo hành: tiền mặt hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng được thỏa thuận giữa đơn vị sử dụng và nhà thầu).

- Trong trường hợp nhà thầu không đáp ứng được việc bảo hành thì Chủ đầu tư có quyền thuê nhà thầu khác thực hiện. Toàn bộ kinh phí do nhà thầu chi trả.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Nhà thầu phải thực hiện kiểm tra tình trạng hàng hóa trước khi giao hàng. Toàn bộ hàng hóa sẽ được kiểm tra trước khi bàn giao và nghiệm thu.

- Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm, kiểm nghiệm đối với toàn bộ hàng hóa cung cấp để khẳng định các hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của E-HSMT được phê duyệt.

- Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: Chủ đầu tư sẽ thông báo cụ thể cho nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm, kiểm nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT được phê duyệt thì theo thứ tự ưu tiên; một là Chủ đầu tư có quyền từ chối và hủy hợp đồng; hai là cho phép nhà thầu thay thế bằng hàng hóa khác để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật; ba là Chủ đầu tư có quyền mua tại đơn vị cung cấp khác đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật có thể giá cao hơn, mọi chi phí phát sinh bên nhà thầu chịu.